TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày 06/3/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, *tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 191/2025/TLST- HNGĐ ngày 14/10/2025, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST – HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Buôn E Axx, xã K, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thị Qu, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Buôn E xx, xã K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Th trình bày như sau:

Tôi (Thanh) và bà Võ Thị Qu sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã E, huyện K, (nay là xã K) tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 15 tháng 3 năm 1999.

Quá trình chung sống tôi và bà Qu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày cùng nghiêm trọng và không thể hòa giải được do không có tiếng nói chung. Đến năm 2019 thì tôi và bà Qu chính thức ly thân nhau đến nay. Trước đây tôi cũng đã nộp đơn đến Tòa án với nguyện vọng xin ly hôn với bà Võ Thị Qu. Tuy nhiên, do thời điểm đó con gái của tôi bước vào giai đoạn thi chuyển cấp tôi sợ nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con nên tôi rút đơn về. Tuy nhiên, từ đó đến nay tình cảm vợ chồng không hề cãi thiện. Vợ chồng vẫn sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Hiện tại tôi và bà Qu không còn cơ hội quay lại với nhau nữa. Vì vậy, tôi nộp đơn đến Tòa án và có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Võ Thị Qu.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có hai con chung là cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000; cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010. Hiện nay các con của tôi đã lớn tôi tôn trọng ý kiến của con. Con ở với ai thì người đó nuôi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn bà Võ Thị Qu, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Qu không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai, không ghi nhận được ý kiến của bà Qu.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã K, tỉnh Đắk Lắk thu được như sau: Ông Bùi Th và bà Võ Thị Qu là vợ chồng có đăng ký thường trú tại buôn E Axx, xã K. Quá trình chung sống tại địa phương ông Th và bà Qu có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết. Vì ông Th, bà Qu không khai báo cũng không yêu cầu địa phương hòa giải. Tuy nhiên, địa phương được biết ông Th, bà Qu sống riêng biệt, mỗi người một nhà từ nhiều năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Về con chung bà Qu, ông Th có hai con chung là cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000; cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010. Hiện tại cháu L đang sống cùng nhà với bà Qu. Nay ông Th xin ly hôn bà Qu thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Th đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị Qu đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Th xin vắng mặt, bị đơn bà Qu vắng mặt không có lý do. Căn

cứ Điều 227 và Điều 228 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Qu.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Bùi Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Bùi Th ly hôn bà Võ Thị Qu.

- Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010 cho bà Võ Thị Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Th được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết ông Bùi Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Đối với cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000 hiện nay đã thành niên nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết ông Bùi Th không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2015 của ông Bùi Th, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Bùi Th khởi kiện bị đơn bà Võ Thị Qu cư trú tại xã K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa lần thứ nhất bà Võ Thị Qu vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Qu, ông Th. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Th xin vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị Qu vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Qu.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Th và bà Võ Thị Qu chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã K, tỉnh Đắk Lắk) số 17/1999, ngày 15 tháng 3 năm

1999. Như vậy, hôn nhân của ông Th và bà Qu là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà Qu và ông Th sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra liên tục từ nhiều năm nay không hòa giải được. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm giữa bà Qu và ông Th. Tuy nhiên, bà Qu không đến Tòa án để làm việc. Nên không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương xã K, tỉnh Đắk Lắk thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương ông Th và bà Qu có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không xác định được, vì: Từ trước đến nay ông Th, bà Qu không yêu cầu địa phương hòa giải. Tuy nhiên, thực tế thì bà Qu, ông Th đã ly thân nhau mỗi người một nhà, nhiều năm nay vợ chồng mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bản thân ông Bùi Th có nguyện vọng tha thiết xin được ly hôn bà Võ Thị Qu, điều này chứng tỏ hôn nhân giữa ông Th và bà Qu không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho ông Bùi Th ly hôn bà Võ Thị Qu là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Bùi Th, bà Võ Thị Qu có 02 con chung là cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000; cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010. Quá trình giải quyết vụ án bản thân ông Th có nguyện vọng để các con lựa chọn việc sống với bố hoặc với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Bản thân cháu Bùi Võ Khánh L có nguyện vọng xin sống với mẹ. Xét thấy, việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xét đến quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hiện nay cháu L còn nhỏ, cháu là con gái nên cần sự dạy dỗ ân cần của người mẹ. Bản thân cháu L cũng có nguyện vọng xin sống với mẹ là bà Võ Thị Qu. Hơn nữa từ khi bà Qu, ông Th ly thân nhau đến nay cháu L đang sống với bà Qu. Như vậy, tránh làm xáo trộn môi trường sống của cháu L và để đảm bảo sự phát triển tâm lý bình thường của cháu. Vì vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010 cho bà Võ Thị Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên là phù hợp.

"Ông Bùi Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung"

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Th không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000 hiện tại đã thành niên, nên cháu H có quyền lựa chọn cuộc sống riêng của mình, do đó HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Th không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Bùi Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là phù hợp.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định cua pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Bùi Th ly hôn bà Võ Thị Qu.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Võ Khánh L, sinh ngày 03/10/2010 cho bà Võ Thị Qu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

"Ông Bùi Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung"

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Ông Bùi Th không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Bùi Long H, sinh ngày 01/01/2000 hiện tại đã thành niên, cháu có quyền lựa chọn cuộc sóng riêng của mình, do đó HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Th không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Ông Bùi Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0001886 ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;*
- *THADS tỉnh Đắk Lắk;*
- *UBND xã K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền